**DỰ THẢO: ĐỀ ÁN XÂY DỰNG XÃ THUẬN LỘC ĐẠT CÁC TIÊU CHÍ THÀNH LẬP PHƯỜNG ĐẾN NĂM 2025**

Mục Lục

[PHẦN MỞ ĐẦU 3](#_Toc89172606)

[I. Lý do, sự cần thiết phải xây dựng đề án 3](#_Toc89172607)

[II. Cơ sở pháp lý lập đề án 3](#_Toc89172608)

[III. Mục tiêu, phạm vi nghiên cứu của Đề án 4](#_Toc89172609)

[1. Mục tiêu 4](#_Toc89172610)

[2. Phạm vi nghiên cứu 5](#_Toc89172611)

[CHƯƠNG I: ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN HIỆN TRẠNG XÃ THUẬN LỘC 6](#_Toc89172612)

[I. Vị trí, ranh giới 6](#_Toc89172613)

[II. Điều kiện tự nhiên 6](#_Toc89172614)

[III. Hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội của xã Thuận Lộc 6](#_Toc89172615)

[1. Diện tích đất 6](#_Toc89172616)

[2. Dân số 8](#_Toc89172617)

[3. Lao động 8](#_Toc89172618)

[4. Bộ máy chính quyền xã 8](#_Toc89172619)

[5. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội đến cuối năm 2021 8](#_Toc89172620)

[IV. Hiện trạng cơ sở hạ tầng xã hội 11](#_Toc89172621)

[1. Về nhà ở 11](#_Toc89172622)

[2. Công trình công cộng 11](#_Toc89172623)

[V. Hiện trạng cơ sở hạ tầng kỹ thuật 13](#_Toc89172624)

[1. Hệ thống giao thông 13](#_Toc89172625)

[2. Hệ thống cấp điện 14](#_Toc89172626)

[3. Hệ thống thông tin liên lạc 14](#_Toc89172627)

[4. Hệ thống cấp nước 14](#_Toc89172628)

[5. Hệ thống thoát nước 14](#_Toc89172629)

[6. Hệ thống thoát nước thải và chất thải rắn 15](#_Toc89172630)

[7. Nghĩa trang, nghĩa địa 15](#_Toc89172631)

[VI. Đánh giá hiện trạng xã Thuận Lộc theo các tiêu chí thành lập phường 15](#_Toc89172632)

[1. Tiêu chí về quy mô dân số 15](#_Toc89172633)

[2. Tiêu chí diện tích tự nhiên 15](#_Toc89172634)

[3. Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội 15](#_Toc89172635)

[4. Các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng 16](#_Toc89172636)

[VII. Tổng hợp đánh giá mức độ đạt các tiêu chí thành lập phường 19](#_Toc89172637)

[1. Đánh giá mức độ đạt các tiêu chí thành lập phường 19](#_Toc89172638)

[2. Một số khó khăn trong quá trình hoàn thành các tiêu chí thành lập phường 20](#_Toc89172639)

[CHƯƠNG II: GIẢI PHÁP XÂY DỰNG XÃ THUẬN LỘC ĐẠT CÁC TIÊU CHÍ THÀNH LẬP PHƯỜNG 21](#_Toc89172640)

[I. Dân số 21](#_Toc89172641)

[II. Lao động 21](#_Toc89172642)

[III. Quy hoạch xây dựng 22](#_Toc89172643)

[IV. Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội 22](#_Toc89172644)

[V. Phát triển hệ thống hạ tầng xã hội 23](#_Toc89172645)

[VI. Phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật 24](#_Toc89172646)

[CHƯƠNG III: NGUỒN LỰC THỰC HIỆN 26](#_Toc89172647)

[I. Danh mục ưu tiên 26](#_Toc89172648)

[II. Dự kiến nhu cầu vốn 29](#_Toc89172649)

[III. Phân bổ nguồn vốn 29](#_Toc89172650)

[1. Phân bổ nguồn vốn 29](#_Toc89172651)

[2. Giải pháp huy động nguồn vốn 29](#_Toc89172652)

[CHƯƠNG V: CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH 32](#_Toc89172653)

[I. Tổ chức thực hiện 32](#_Toc89172654)

[1. Đảng ủy, HĐND, UBND xã 32](#_Toc89172655)

[2. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể xã 33](#_Toc89172656)

[3. Đối với các doanh nghiệp, đơn vị và người dân trên địa bàn 33](#_Toc89172657)

[II. Kiến nghị 34](#_Toc89172658)

[1. Đối với thị xã Hồng Lĩnh 34](#_Toc89172659)

[V.3. Cơ chế chính sách 35](#_Toc89172660)

[CHƯƠNG VI : KẾT LUẬN 37](#_Toc89172661)

# PHẦN MỞ ĐẦU

## I. Lý do, sự cần thiết phải xây dựng đề án

Xã Thuận Lộc thuộc thị xã Hồng Lĩnh, nằm về phía Nam giáp với huyện Can Lộc và huyện Đức Thọ, cách trung tâm thị xã Hồng lĩnh 5 km. Trong những năm qua, trên địa bàn xã tình hình chính trị ổn định, quốc phòng – An ninh đảm bảo, kinh tế-xã hội phát triển khá, nguồn lao động, trình độ dân trí và đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao. Cơ cấu kinh tế của xã hiện nay đang chuyển dịch theo xu hướng phát triển chung của toàn tỉnh, giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trong công nghiệp và dịch vụ. Xã Thuận Lộc được công nhận là xã đạt chuẩn Nông thôn mới theo Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 07/01/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh. Với nhiều lợi thế về vị trí, tiềm năng, động lực của xã thì sự phát triển như hiện nay chưa là tương xứng, chưa đáp ứng được yêu cầu của các cấp các ngành và nhân dân. Việc thu hút đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng, huy động các nguồn lực chưa mạnh mẽ, vậy nên chưa tạo ra được động lực, lợi thế mạnh mẽ để thúc đẩy quá trình phát triển của xã.

Trong những năm gần đây tình hình kinh tế xã hội của xã đã có nhiều chuyển biến tích cực, thu ngân sách tăng, thu nhập bình quân đầu người tăng, nhiều khu dân cư mới mọc lên, đời sống nhân dân được nâng cao,…Mặc dù có nhiều chuyển biến tích cức hơn trong kinh tế xã hội, nhưng về phát triển cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã còn nhiều hạn chế, mới đáp ứng 1 phần nhỏ nhu cầu thực tế. Để Thuận Lộc trở thành phường nội thị của thị xã trong thời gian tới theo như mong muốn của Đảng bộ, chính quyền, nhân dân và theo đúng định hướng của Nghị quyết đại hội Đảng bộ xã lần thứ XXXIV và Nghị quyết đại hội Đảng bộ Thị xã Hồng Lĩnh lần thứ VII, cần đánh giá thực trạng, tiềm năng, lợi thế, khó khăn, thuận lợi, cơ hội để đề ra các giải pháp phù hợp, xây dựng kế hoạch thực hiện, xác định nguồn lực để thực hiện, xây dựng cơ sở hạng tầng, xây dựng Thuận Lộc đạt các tiêu chí thành lập Phường. Vậy nên việc xây dựng và thực hiện đề án ***“Đề án xây dựng xã Thuận Lộc đạt các tiêu chí thành lập phường đến năm 2025”*** là hết sức cần thiết với sự phát triển trong thời gian tới của Thuận Lộc.

## II. Cơ sở pháp lý lập đề án

- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

- Luật Xây dựng ngày 18/06/2014;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng 17/06/2020;

- Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

- Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

- Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIII về phân loại đô thị;

- Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIII về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

- Nghị định số 159/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Thủ tướng Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn;

- Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ về việc phân loại đô thị;

- Nghị định số 62/2011/NĐ-CP ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập thành phố thuộc tỉnh, thị xã, quận, phường, thị trấn;

- Thông tư số 05/2006/TT-BNV của Bộ Nội vụ, Hướng dẫn thực hiện một số điều quy định tại Nghị định số 159/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn;

- Thông tư số 02/2012/TT-BNV của Bộ Nội vụ, Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 62/2011/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về thành lập thành phố thuộc tỉnh, thị xã, quận, phường, thị trấn;

- Quyết định số 43/2007/QĐ-UBND ngày 22/10/2007 của UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị xã Hồng Lĩnh giai đoạn 2005 - 2015, tầm nhìn đến năm 2025;

 - Kế hoạch số 260/KH-UBND ngày 21/7/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về xây dựng cơ chế, chính sách tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2025;

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ thị xã Hồng Lĩnh lần thứ VII, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ xã Thuận Lộc lần thứ XXXIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

## III. Mục tiêu, phạm vi nghiên cứu của Đề án

### 1. Mục tiêu

*a. Mục tiêu chung*

- Xây dựng Thuận Lộc trở thành phường nội thị theo Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ xã Thuận Lộc lần thứ XXXIV và Nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ Thị xã Hồng Lĩnh lần thứ VII nhiệm kỳ 2020-2025.

- Tạo tiền đề cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị, kêu gọi các nguồn lực bảo đảm xã theo định hướng phát triển chung của Thị xã.

*b. Mục tiêu cụ thể*

- Phân tích thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng, phát triển và quản lý đô thị của xã Thuận Lộc, đưa ra những định hướng phát triển giai đoạn 2021-2025.

- Xây dựng mục tiêu, kế hoạch, định hướng và các giải pháp chủ yếu huy động các nguồn lực nhằm xây dựng và phát triển xã Thuận Lộc trở thành phường trong giai đoạn từ 2021 - 2025.

- Đề xuất, kiến nghị về cơ chế, chính sách huy động nguồn lực xây dựng xã Thuận Lộc trở thành phường nội thị của thị xã Hồng Lĩnh.

- Phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và định hướng phát triển theo Nghị quyết đại hội đảng bộ xã Thuận Lộc.

- Định hướng phát triển phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương.

### 2. Phạm vi nghiên cứu

- Toàn bộ địa giới hành chính xã Thuận Lộc, có tính đến yếu tố liên kết với các phường trong thị xã và liên kết vùng với các địa phương lận cận là huyện Can Lộc và huyện Đức Thọ.

- Thời gian thực hiện: dữ liệu đánh giá hiện trạng theo số liệu thống kê của xã năm 2020, nhiệm vụ giải pháp xác định trong giai đoạn từ 2021 – 2025.

# CHƯƠNG I: ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN HIỆN TRẠNG XÃ THUẬN LỘC

## Vị trí, ranh giới

Xã Thuận Lộc là xã nằm ở phía Tây Nam của Thị xã Hồng Lĩnh.

+ Phía Bắc giáp phường Bắc Hồng, phường Đức Thuận, phường Nam Hồng và xã Thanh Bình Thịnh (huyện Đức Thọ);

+ Phía Đông giáp phường Đậu Liêu;

+ Phía Nam giáp xã Thanh Lộc, xã Kim Song Trường (huyện Can Lộc);

+ Phía Tây giáp xã Kim Song Trường (huyện Can Lộc), xã Thái Yên (huyện Đức Thọ).

##  Điều kiện tự nhiên

*a. Địa hình, địa mạo*

Khu vực nghiên cứu chủ yếu là đất nông nghiệp và đất chưa sử dụng. Địa hình tương đối bằng phẳng, dao động từ 2,20÷2,80m.

*b. Khí hậu*

- Gió: Khu vực chịu ảnh hưởng của gió Lào khô nóng làm lượng bốc hơi lớn.

- Nắng: Tổng số giờ nắng trong năm 1.700giờ.

- Mưa: Là khu vực có lượng mưa rất lớn, mùa mưa bắt đầu từ tháng 8 đến tháng 2 của năm sau, tập trung nhiều nhất vào tháng 8,9,10 . Số ngày mưa trung bình năm 145 ngày.

- Độ ẩm Trung bình năm 84,5%, cao nhất là 92%

- Lượng bốc hơi: Lượng bốc hơi trung bình năm 926,5mm.

*c. Thủy văn*

Khu vực quy hoạch thuộc ngoại thị Thị xã Hồng Lĩnh, chịu ảnh hưởng của chế độ thuỷ văn sông La (thuộc hệ thống sông Cả), do có tuyến đê La Giang bảo vệ thị xã không bị ảnh hưởng ngập lũ do sông. Chạy dọc qua xã có sông Minh (kênh Nhà Lê) hợp lưu với sông La theo hướng Tây Bắc thông qua cống Trung Lương. Vào thời điểm đóng cống Trung Lương sông Minh tiêu thoát theo hướng Nam. Sông Minh đóng vai trò tiêu thoát nước mặt chính của toàn xã và thị xã Hồng Lĩnh. Ngoài ra vai trò tưới tiêu nội đồng của sông Minh cho xã cũng rất quan trọng.

## III. Hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội của xã Thuận Lộc

### 1. Diện tích đất

- Diện tích tự nhiên: 7,41 km2.

- Cơ cấu đất đai: Đất nông nghiệp là 477,50 ha chiếm tỷ lệ 64,40%; đất phi nông nghiệp 228,92 ha chiếm tỷ lệ 30,87%; đất chưa sử dụng 35,09 ha chiếm tỷ lệ 4,73%.

*Biểu thống kê, kiểm kê định định kỳ diện tích đất đai đến ngày 31/12/2020*

| **TT** | **Loại đất** | **Diện tích (ha)** |
| --- | --- | --- |
| **I** | **Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính**  | **741,51**  |
| **1** | **Đất nông nghiệp**  | **477,50** |
| ***1.1*** | ***Đất sản xuất nông nghiệp***  | **459,04** |
| 1.1.1 | Đất trồng cây hàng năm  | 424,90  |
| 1.1.1.1 |  Đất trồng lúa  | 423,39  |
| 1.1.1.2 |  Đất trồng cây hàng năm khác  | 1,52  |
| 1.1.2 | Đất trồng cây lâu năm | 34,14  |
| ***1.2*** | ***Đất nuôi trồng thuỷ sản***  | ***14,35***  |
| ***1,3*** | ***Đất nông nghiệp khác***  | ***4,11***  |
| **2** | **Đất phi nông nghiệp**  | **228,92**  |
| ***2,1*** | ***Đất ở***  | ***42,64***  |
| 2.1.1 |  Đất ở tại nông thôn  | 42,64  |
| ***2,2*** | ***Đất chuyên dùng***  | ***143,99*** |
| 2.2.1 |  Đất xây dựng trụ sở cơ quan  | 0,74  |
| 2.2.2 |  Đất quốc phòng  | 0  |
| 2.2.3 |  Đất an ninh  | 0  |
| 2.2.4 |  Đất xây dựng công trình sự nghiệp  | 5,08  |
|  |  Đất xây dựng cơ sở văn hóa | 0,43 |
|  |  Đất xây dựng cơ sở y tế | 0,16 |
|  |  Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo | 2,19 |
|  |  Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao | 2,30 |
| 2.2.5 |  Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp | 2,76  |
|  |  Đất thương mại, dịch vụ | 0,32 |
|  |  Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | 0,18 |
|  |  Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm | 2,25 |
| 2.2.6 |  Đất có mục đích công cộng  | 135,42  |
|  |  Đất giao thông | 109,11 |
|  |  Đất thủy lợi | 23,53 |
|  |  Đất sinh hoạt cộng đồng | 0,89 |
|  |  Đất khu vui chơi, giải trí công cộng | 0,31 |
|  |  Đất công trình năng lượng | 0,60 |
|  |  Đất Chợ | 0,95 |
|  |  Đất bãi thải, xử lý chất thải | 0,03 |
| ***2.3*** | ***Đất cơ sở tôn giáo***  | ***0*** |
| ***2.4*** | ***Đất cơ sở tín ngưỡng***  | ***2,10***  |
| ***2.5*** | ***Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT***  | ***10,66***  |
| ***2.6*** | ***Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối***  | ***23,05***  |
| ***2.7*** | ***Đất có mặt nước chuyên dùng***  | ***6,49***  |
| ***2.8*** | ***Đất phi nông nghiệp khác***  | ***0*** |
| **3** | **Đất chưa sử dụng**  | **35,09**  |
| ***3.1*** |  ***Đất bằng chưa sử dụng***  | ***35,09***  |

### 2. Dân số

- Xã Thuận Lộc có 1.170 hộ, dân số 3.667 người.

- Mật độ dân số: 494,9 người/ km2.

### 3. Lao động

- Tổng số lao động đang làm việc trên địa bàn xã năm 2021 là 2.475 người, chiếm 67,49% dân số toàn xã. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 93,6% tổng số người trong độ tuổi lao động.

- Cơ cấu lao động: lao động phi nông nghiệp 1.779 người, chiếm tỷ lệ 71,88% tổng số lao động; lao động nông nghiệp 696 người, chiếm tỷ lệ 28,12%.

### 4. Bộ máy chính quyền xã

- Tổng số cán bộ, công chức gồm có: 17 người, trong đó: Cán bộ 10 người, Công chức: 07 người; Chất lượng: Đại học 14 người (87,5%), trung cấp 02 người (12,5%).

- Đại biểu HĐND: 25 người.

### 5. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội đến cuối năm 2021

*a. Lĩnh vực kinh tế*

*\* Cơ cấu kinh tế*

- Cơ cấu kinh tế trong những năm qua ở Thuận Lộc tương đối ổn định. Công nghiệp, xây dựng tăng nhưng với tốc độ chậm. Giá trị kinh tế ngành nông nghiệp đưa lại giảm nhưng vẫn là ngành kinh tế chính hiện nay trên địa bàn xã. Thương mại dịch vụ giá trị còn thấp. Các ngành kinh tế khác chiếm giá trị chủ yếu trong cơ cấu kinh tế của xã Thuận Lộc.

Ngành nông nghiệp, thủy sản: Giá trị sản xuất nông nghiệp năm 2021 ước đạt 34,15 tỷ đồng, chiếm 20,75% tổng giá trị kinh tế. Nông nghiệp là ngành kinh tế chính của xã nhưng giá trị đưa lại còn thấp.

Ngành công nghiệp – xây dựng: Giá trị sản xuất năm 2021 ước đạt 18,4 tỷ đồng, chiếm 11,19% tổng giá trị kinh tế. Trên địa bàn xã hiện có 55 cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp và xây dựng. Sản xuất tiểu thủ công nghiệp và xây dựng phát triển còn chậm về chất lượng và số lượng sản phẩm nên tạo ra giá trị sản xuất còn thấp.

Ngành thương mại – dịch vụ: tạo giá trị sản xuất năm 2021 ước đạt 13,52 tỷ đồng, chiếm 8,21% tổng giá trị kinh tế. Trên địa bàn toàn xã có 120 hộ sản xuất kinh doanh cá thể. Thương mại - dịch vụ còn nhỏ lẻ, mang tính tự phát, tạm thời, chưa có cơ chế hỗ trợ đầu tư khuyến khích phát triển thương mại – dịch vụ và sử dụng hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương..

*\* Thu chi ngân sách, thu nhập bình quân đầu người*

- Cân đối thu chi ngân sách: Tổng thu ngân sách đạt 19,1 tỷ đồng. Tổng chi ngân sách đạt 18,9 tỷ đồng. Năm 2021 xã thực hiện tốt nhiệm vụ thu-chi ngân sách, đảm bảo phục vụ tốt cho các hoạt động chi thường xuyên và huy động tốt các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản, nguồn vốn xây dựng nông thôn mới.

Thu ngân sách chủ yếu là thu từ bổ sung có mục tiêu, Chi ngân sách chủ yếu là nhiệm vụ chi Đầu tư xây dựng cơ bản và thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới tại xã.

- Thu nhập bình quân đầu người ước đạt 44,93 triệu đồng/người/năm.

- Tỷ lệ hộ nghèo: 4,2%

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Đơn vị tính** | **Năm 2019** | **Năm 2020** | **Năm 2021** |
| 1 | Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn (bao gồm địa phương và trung ương) | Tỷ đồng | 12,41 | 16,63 | 19,10 |
| 2 | Tổng chi ngân sách Nhà nước trên địa bàn | Tỷ Đồng | 12,39 | 12,99 | 18,90 |
| 3 | Thu nhập bình quân đầu người | Triệu đồng | 37,66 | 41,59 | 44,93 |
| 4 | Mức tăng trưởng kinh tế | % | 7,26 | 10,43 | 10,1 |
| 5 | Tỷ lệ hộ nghèo | % | 4,23 | 3,27 | 4,72 |

*b. Lĩnh vực văn hóa – xã hội*

Trong những năm gần đây, xã Thuận Lộc đã có nhiều chuyển biến tích cực trong phát triển kinh tế nên đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng lên rõ rệt. Năm 2021 1127 hộ/1170 hộ chiếm 96,32%gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá*;* Gia đình thể thao đạt 615/1170 chiếm 52,56%; 9/9 thôn đạt danh hiệu Thôn văn hoá. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt 91,6%; BHXH đạt 16%. Các thôn tiếp tục thực hiện công tác xây dựng cơ sở vật chất, cải tạo các hạng mục văn hóa, cơ sở hạng tầng theo tiêu chí nông thôn mới, cũng như tiêu chí để xây dựng phường.

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được tổ chức trên địa bàn xã. Bên cạnh đó xã cũng thường xuyên tham gia các phong trào văn hóa, thể thao của huyện. Thường xuyên tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh, tổ chức treo băng rôn, khẩu hiệu chào mừng các ngày lễ lớn. Phong trào*“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”* gắn với xây dựng nông thôn mới và xây dựng đô thị văn minh được triển khai tích cực có hiệu quả.

*c. Giáo dục*

Giáo dục trên địa bàn xã có 2 trường ở 3 cấp giáo dục: trường mầm non, trường liên cấp tiểu học và THCS. Tiếp tục giữ vững phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập Tiểu học mức độ 3, và phổ cập THCS mức độ 2. Trong năm 2021 do dịch Covid – 19 đã ảnh hưởng đến chất lượng dạy và học. Cơ sở vật chất hiện nay cơ bản đã đáp ứng nhu cầu dạy và học, song vẫn còn thiếu các phòng học bộ môn, phòng chức năng và một số hạng mục phụ trợ khác.

*d. Lĩnh vực quốc phòng, an ninh*

Quốc phòng, an ninh, chính trị trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Thường xuyên phối hợp với công an xã đảm bảo ổn định tình hình chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Triển khai thực hiện tốt các mặt công tác quản lý hành chính về TTXH, đảm bảo trật tự ATGT. Phối hợp với MTTQ các ban, nghành, đoàn thể tiếp tục thực hiện có hiệu quả các mô hình, đề án về ANTT. Thường xuyên quan tâm xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ; Xây dựng củng cố lực lượng công an xã vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

## IV. Hiện trạng cơ sở hạ tầng xã hội

### 1. Về nhà ở

Các khu dân cư xã Thuận Lộc được hình thành từ lâu, do đặc điểm hình thành và các yếu tố lịch sử, các khu dân cư này được phát triển tập trung theo từng thôn xóm.

Hiện nay, toàn xã có 9 thôn. Kiến trúc nhà ở nông thôn, một số đã mang dáng dấp đô thị là nhà hiện đại và một số ít nhà kiến trúc truyền thống phân bố xen kẽ. Diện tích sàn nhà ở bình quân: 16,0 m2sàn/người

### 2. Công trình công cộng

*a. Công trình hành chính, chính trị*

Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các đoàn thể cơ bản đã được đầu tư xây dựng kiên cố, đáp ứng nhu cầu làm việc cho cán bộ, nhân dân và phục vụ tốt các nhiệm vụ chính trị xã hội. Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân gồm 1 nhà làm việc 2 tầng, 1 nhà làm việc 1 tầng và 1 nhà hội trường, cấp các công trình cấp IV.



*Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các đoàn thể*

*b. Giáo dục*

Đất công trình giáo dục mầm non và trung học cơ sở: trên địa bàn xã hiện có 1 trường mầm non với 8 lớp với 245 học sinh, 18 giáo viên. Hiện trường mầm non gồm có 3 công trình thuộc cấp IV là 2 nhà học 2 tầng, 1 nhà hiệu bộ và hệ thống sân đường nội bộ, vườn hoa cây xanh, cơ sở vật chất của nhà trường hiện nay đã đáp ứng cho việc dạy và học. Một liên trường tiểu học và THCS với 31 lớp, 510 học sinh và 31 giáo viên. Hiện trường đang sử dụng cả 2 cơ sở là trường tiểu học cũ gồm có 2 công trình cấp IV là 01 nhà học 2 tầng, 1 nhà hiệu bộ và hệ thống sân đường, cây xanh. Và trường THCS cũ với cơ sở hạ tầng gồm có 03 công trình cấp IV là 02 nhà học 2 tầng, 1 nhà hiệu bộ và hệ thống sân đường, cây xanh. Hiện tại, cả 2 cơ sở của nhà trường hiện mới đáp ứng được nhu cầu cơ bản dạy và học, song vẫn còn hạn chế cơ sở vật chất. Nhìn chung cơ sở hạ tầng của các trường đã đáp ứng được nhu cầu học tập và giảng dạy của học sinh và cán bộ giáo viên.



*Liên trường tiểu học và trung học cơ sở Thuận Lộc*

*c. Y tế*

Trên địa bàn xã có 1 trạm y tế với 01 nhà làm việc 2 tầng, thuộc cấp công trình là cấp IV. Với cơ sở hạ tầng kiên cố, cơ sở vật chất đầy đủ đã đáp ứng được nhu cầu thăm khám, chữa bệnh cho người dân trên địa bàn xã.

*d. Công trình văn hóa, thể dục thể thao*

Hiện tại xã có 9/9 thôn có nhà văn hóa đồng thời là trung tâm học tập cộng đồng, các hoạt động sinh hoạt văn hóa, văn nghệ diễn ra. Bên cạnh đó, nhà văn hóa xã (cạnh trụ sở Ủy ban nhân dân xã) cũng là nơi hội họp, phổ biến kiến thức pháp luật và tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho người dân...

Hiện trên địa bàn xã có 1 sân thể thao cấp xã thường xuyên diễn ra các hoạt động thể dục thể thao hàng ngày cũng như các dịp lễ, tết, giải đấu thể thao… 4/9 thôn có sân thể thao là nơi rèn luyện thể dục thể thao cho người dân trong thôn.



*Sân thể thao xã*

| **STT** | **Tên công trình** | **Diện tích (m2)** |
| --- | --- | --- |
| ***I*** | ***Sân thể thao cấp xã*** | ***10.133,2*** |
| 1 | Sân thể thao xã | *10.133,2* |
| ***II*** | ***Sân thể thao thôn*** | ***18.757,6*** |
| 2 | Sân thể thao thôn Tân Hòa | *4.169,6* |
| 3 | Sân thể thao thôn Hồng Nguyệt | *4.431,8* |
| 4 | Sân thể thao thôn Chùa | *4.596,7* |
| 5 | Sân thể thao thôn Phúc Thuận | *5.559,5* |
| **Tổng** | ***28.890,8*** |

*e. Công trình thương mại, dịch vụ*

Hiện nay trên địa bàn xã chưa xây dựng chợ tập trung. Có 1 khu vực đã được quy hoạch chợ là khu dân cư thương mại Đồng Đán đã có quy hoạch xây dựng xong nên nay vẫn chưa thực hiện. Công trình Trung tâm thương mại dịch vụ mới chỉ có 1 dự án với quy mô 2.000m2, với mặt hàng kinh doanh chủ yếu là vật liệu xây dựng.

*f. Cây xanh sử dụng công cộng*

Hiện nay trên địa bàn xã chưa có công viên, vườn hoa cây xanh tập trung,…. Nên diện tích sử dụng công cộng trên địa bàn xã còn thấp chủ yếu là bồn hoa cây xanh trong các công trình công cộng.

## V. Hiện trạng cơ sở hạ tầng kỹ thuật

### 1. Hệ thống giao thông

Diện tích đất giao thông trên địa bàn xã là 25,285 ha.

Diện tích đất giao thông tính trên dân số: 66,68 m2/người. Tổng chiều dài hệ thống giao thông trên địa bàn xã là 33,13 km.

- Đường huyện: xã có 1 tuyến đường Huyện đi qua là đường Phan Kính nối từ QL1 đến QL 15A với chiều dài qua địa bàn xã là 2,5km; kết cấu nhựa. Hiện trạng chất lượng: tốt.

- Đường liên xã, trục xã: gồm 5 tuyến: đường Nguyễn Thiếp, đường Cơn Độ, đường trục chính khu trung tâm, đường Thuận Lộc đi Đức Thuận, đường Nam Hồng – Thuận Lộc – Thái Yên. Với kết cấu đều là đường bê tông. Tổng chiều dài các tuyến đường là 10,5km. Nền đường rộng từ 5,0m – 18,0m.

- Đường trục thôn, liên thôn: với 99 tuyến, tổng chiều dài là 14,79km; với kết cấu chủ yếu là đường bê tông chiếm 93,0%. Nền đường rộng từ 4,0m – 8,0m.

- Đường ngõ xóm: tổng chiều dài là 5,339km; với kết cấu chủ yếu là đường bê tông. Nền đường rộng từ 2,5m – 6,0m.

### 2. Hệ thống cấp điện

Toàn xã có 07 trạm biến áp cấp điện sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn xã lấy từ đường dây 35/0,4 KVA.

| **TT** | **Tên trạm biến áp** | **Công suất (KVA)** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Hồng Phúc | 250 |
| 2 | Hồng Tiến | 250 |
| 3 | Thôn Chùa | 180 |
| 4 | Hồng Nguyệt | 180 |
| 5 | Thuận Lộc 4 | 180 |
| 6 | Thuận Lộc 5 | 180 |
| 7 | Thuận Lộc 6 | 180 |
| **Tổng** | **1.400** |

Toàn bộ hệ thống điện trên địa bàn xã đều là đường dây nổi. Tổng sản lượng điện cung cấp cho toàn xã Thuận Lộc năm 2020 là 2.155.126 kWh/năm. Tỷ lệ cấp điện sinh hoạt: 568,3 kWh/người/năm

Hệ thống chiếu sáng đường phố chính trên địa bàn xã mới chỉ có 2,5km tuyến đường Cơn Độ và một số trục xung quanh khu trung tâm xã.

Tỷ lệ đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng: 90%

### 3. Hệ thống thông tin liên lạc

Cơ sở hạ tầng mạng lưới bưu chính viễn thông được quan tâm đầu tư hiện đại hóa, phủ rộng khắp địa bàn. Điểm phục vụ bưu điện hoạt động có hiệu quả, cung cấp đầy đủ các dịch vụ bưu chính công ích và các dịch vụ bưu chính viễn thông cơ bản và nâng cao. Cáp quang, sóng di động 3G, 4G được kéo về các thôn, đảm bảo cung cấp đầy đủ các dịch vụ viễn thông, Internet cho nhân dân với chất lượng đảm bảo. Thông tin di động được phủ sóng tới 100% dân số.

### 4. Hệ thống cấp nước

Xã Thuận Lộc có 100% hộ dân được sử dụng nước sạch từ Nhà máy nước của Thị xã để sử dụng trong sinh hoạt. Mạng lưới đường ống cấp nước được phân bố đến từng thôn, từng hộ gia đình. Mạng lưới đường ống chính dài 3.552,5m sử dụng ống nhựa PVC D160, ống thép D150; mạng lưới đường ống phân phối dài 14.372Lm sử dụng ống PB D63, D50 và ống PE D40, D32, D25.

Hệ thống thủy lợi cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp bao gồm: Kênh 19/5, kênh Nhà Lê, Hói Cà, Hói Hợp Giang, Hói Chợ Vi, Hói Vạc, Hói Cầu Cuôn.

### 5. Hệ thống thoát nước

Hiện nay, trên địa bàn xã có 5,2km hệ thống mương thoát nước hỗn hợp nằm dọc các tuyến đường Nguyễn Thiếp, Phan Kính và các tuyến đường xung quang trung tâm xã. Hệ thống mương hiện trạng là mương có nắp đan, kích thước từ B400-B800, đặt dọc 2 bên đường vừa thu nước mặt vừa thu nước thải từ nhà các hộ dân.

### 6. Hệ thống thoát nước thải và chất thải rắn

- Tỷ lệ nước thải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật

- Chất thải rắn trên địa bàn xã được tập kết, thu gom của công ty môi trường đô thị Thị xã và đưa về khu xử lý rác thải tập trung. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom trên địa bàn xã là 95%.

### 7. Nghĩa trang, nghĩa địa

Hiện nay toàn xã có 5 khu vực nghĩa trang, được phân bố theo các khu vực dân cư, không theo quy hoạch gây lãng phí quỹ đất và ảnh hưởng đến cảnh quan chung.

- Nghĩa trang Cồn Mồ tại khu vực Hồng Phúc: Diện tích 2,76ha.

 - Nghĩa trang Đồng Cháng tại khu vực Đồng Tiến: Diện tích 2,25ha.

 - Nghĩa trang Đồng Mụ Ngạ tại khu vực Tân Hòa: Diện tích 1,63ha.

 - Nghĩa trang Cồn Chiếng tại khu vực Hồng Nguyệt: Diện tích 1,78ha.

 - Nghĩa trang Đồng Mụ Hốt không nằm trong ranh giới hành chính xã mà nằm trên đất phường Nam Hồng, diện tích 0,28ha, đây là khu vực chôn cất của các hộ dân cư thôn Đồi Cao

## VI. Đánh giá hiện trạng xã Thuận Lộc theo các tiêu chí thành lập phường

### 1. Tiêu chí về quy mô dân số

Tổng dân số đã quy đổi của xã Thuận Lộc là 3.667 người (số liệu năm 2021). Theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì tiêu chuẩn quy mô dân số của phường thuộc thị xã là 5.000 người trở lên.

Đánh giá: Chưa đạt.

### 2. Tiêu chí diện tích tự nhiên

Xã Thuận Lộc có diện tích tự nhiên là 7,41 km2. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì diện tích tự nhiên đối với phường là 5,5 km2.

Đánh giá: Đạt.

### 3. Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

\* Thu ngân sách trên địa bàn xã Thuận Lộc năm 2021 đạt 19,1 tỷ đồng; chi ngân sách xã đạt 18,9 tỷ đồng, cân đối thu chi ngân sách dư. Theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13 thì cân đối thu chi ngân sách phải đủ.

Đánh giá: Đạt.

\* Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất (2019-2021) theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13 thì phải đạt bình quân của thị xã.

Tỷ lệ hộ nghèo của xã Thuận Lộc năm 2021 là 3,0%; năm 2020 là 3,27%, năm 2019 là 4,23%. Tỷ lệ hộ nghèo bình quân 03 năm 2019 - 2021 của xã Thuận Lộc là 3,5%.

Tỷ lệ hộ nghèo của thị xã Hồng Lĩnh năm 2021 là 1,82%; năm 2020 là 1,96%; năm 2019 là 3,41%;. Tỷ lệ hộ nghèo bình quân 03 năm 2019 - 2021 của thị xã Hồng Lĩnh là 2,4%.

Đánh giá: Chưa đạt.

\* Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp: theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13 phải đạt 70,0%. Lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã 1.779 người, chiếm 71,88% tổng số lao động đang làm việc.

Đánh giá: Đạt.

### 4. Các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng

Quy định tại Phụ lục 2: Các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng áp dụng đối với khu vực dự kiến thành lập phường, quận (ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị).

***\* Đất công trình giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở*** (m2/người):

Hiện nay trên địa bàn xã Thuận Lộc có 01 trường Mầm non, 01 trường liên cấp tiểu học và THCS.

+ Tổng diện tích đất công trình giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở là:21.900 m2*(xem chi tiết biểu thống kê, kiểm kê định kỳ mục I, chương II)*

+ Quy mô dân số toàn xã là: 3.667 người.

Do đó, trung bình đất công trình giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở là:

$\frac{19253}{6927}$$\frac{16603}{5898}$= 5,97 m2/người

+ Tiêu chuẩn đối với khu vực dự kiến thành lập phường thuộc đô thị loại IV là ≥ 2,7 m2/người.

Đánh giá: Đạt.

***\* Trạm y tế*** (≥ 500 m2/trạm)

+ Hiện nay trên địa bàn xã có: 01 trạm y tế xã có diện tích 1.600 m2*(xem chi tiết biểu thống kê, kiểm kê định kỳ mục I, chương II)*

+ Quy mô dân số toàn xã là 3.667 người.

 Tỷ lệ trạm y tế tính trên 5.000 người là = 1,36 (trạm/5.000 người).

 Tiêu chuẩn đối với khu vực dự kiến thành lập phường thuộc đô thị loại IV là: ≥ 1 trạm/5.000 người

Đánh giá: Đạt.

***\* Sân luyện tập*** (≥ 3000 m2)

+ Trên địa bàn xã hiện nay có 01 sân thể thao xã và 04 sân thể thao thôn với tổng diện tích là 28.890,8m2. Đây cũng là những công trình phục vụ nhu cầu hoạt động thể dục thể thao của người dân trên địa bàn xã.

 + Quy mô dân số toàn xã là 3.667 người.

Do đó, bình quân diện tích sân tập luyện (≥ 3000 m2 ) là:

= 7,88 m2/người.

Tiêu chuẩn đối với khu vực dự kiến thành lập phường thuộc đô thị loại IV là ≥ 0,5 m2/người.

Đánh giá: Đạt.

***\* Chợ, siêu thị*** (≥ 1 công trình)

Hiện trạng, trên địa bàn xã chưa có công trình chợ hay siêu thị nào.

Đánh giá: Chưa đạt.

***\* Đất cây xanh sử dụng công cộng***(≥ 2 m2/người)

Hiện trạng, trên địa bàn xã chưa có đất cây xanh sử dụng công cộng.

Đánh giá: Chưa đạt.

***\* Diện tích đất giao thông tính trên dân số*** (m2/người):

+ Tổng diện tích đất giao thông toàn xã là 252.850 m2*(không tính giao thông nội đồng)*

+ Quy mô dân số toàn xã là 3.667 người.

Do đó, bình quân diện tích đất giao thông tính trên dân số là:

= 68,95 m2/người.

Tiêu chuẩn đối với khu vực dự kiến thành lập phường thuộc đô thị loại IV là ≥ 7 m2/người.

Đánh giá: Đạt.

***\* Cấp điện sinh hoạt*** (kwh/người/năm):

+ Tổng công suất điện cung cấp cho toàn xã là 2.155.126kWh/năm.

+ Quy mô dân số toàn xã là 3.667 người.

Tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt là: = 587,7 (kwh/người/năm).

Tiêu chuẩn đối với khu vực dự kiến thành lập phường thuộc đô thị loại IV là ≥ 350 kwh/người/năm.

Đánh giá: Đạt.

***\* Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng*** (%):

+ Tổng chiều dài đường chính xã Thuận Lộc là 27,79 km; trong đó có 2,5 km được chiếu sáng.

Do đó, tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng là  = 9,0(%).

Tiêu chuẩn đối với khu vực dự kiến thành lập phường thuộc đô thị loại IV là ≥ 90%.

Đánh giá: Chưa đạt.

***\* Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh*** (%):

Xã hiện có 3.667 hộ dân đang sinh sống và tất cả đã đăng ký sử dụng nước cấp từ Công ty cổ phần cấp nước Hà Tĩnh –chi nhánh Hồng Lĩnh. Do đó tỷ lệ cấp nước sạch xã Thuận Lộc đạt 100 (%).

Tiêu chuẩn đối với khu vực dự kiến thành lập phường thuộc đô thị loại IV là ≥ 90%.

Đánh giá: Đạt.

***\* Mật độ đường cống thoát nước chính*** (km/km2 - số km đường cống/ diện tích đất xây dựng đô thị. Nhưng do đây là hành chính cấp xã nên được tính theo số km đường cống chia cho diện tích đất tự nhiên toàn xã):

+ Hệ thống thoát nước của xã sử dụng là các loại cống hỗn hợp và các mương rãnh với tổng chiều dài là: 5,2 km.

+ Diện tích đất xây dựng đô thị là 7,41 km2.

Do đó, mật độ đường cống thoát nước chính là: = 0,7 (km/km2).

Tiêu chuẩn đối với khu vực dự kiến thành lập phường thuộc đô thị loại IV là ≥ 3 km/km2.

Đánh giá: Chưa đạt.

***\* Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật*** (%)

Hiện nay thị xã Hồng Lĩnh chưa xây dựng nhà máy xử lý nước thải tập trung. Nước thải được thu gom về hệ thống cống chung được đấu nối theo đường cống thoát nước của thị xã. Nước thải sau đó chảy vào hệ thống sông, hồ......Nên nước thải ở xã Thuận Lộc hiện nay vẫn chưa được xử lý.

Đánh giá: Chưa đạt.

***\* Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom (%):***

Chất thải rắn trên địa bàn toàn xã được công ty cổ phần môi trường đô thị Hồng Lĩnh thu gom về và xử lý theo quy định. Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom đạt 100 %*.*

Tiêu chuẩn đối với khu vực dự kiến thành lập phường thuộc đô thị loại IV là ≥ 70 %.

Đánh giá: Đạt.

*Bảng tổng hợp các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng*

| **TT** | **Tiêu chuẩn** | **Chỉ tiêu** | **Hiện trạng của xã Thuận Lộc** | **Đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Đất công trình giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở | ≥ 2,7 m2/người | 5,97 m2/người | Đạt |
| 2 | Trạm y tế (≥ 500 m2/trạm) | ≥ 1 trạm/5.000 người | 1 trạm | Đạt |
| 3 | Sân luyện tập (≥ 3.000 m2) | ≥ 0,5 m2/người | 7,88 m2/người | Đạt |
| 4 | Chợ hoặc siêu thị | ≥ 1 Công trình | Chưa có | Chưa đạt |
| 5 | Đất cây xanh sử dụng công cộng | ≥ 2 m2/người | Chưa có | Chưa đạt |
| 6 | Diện tích đất giao thông tính trên dân số | ≥ 7 m2/người | 68,95m2/người | Đạt |
| 7 | Cấp điện sinh hoạt | ≥ 350 kwh/người/năm | 587,7 kwh/người/năm | Đạt |
| 8 | Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng | ≥ 90% | 10% | Chưa Đạt |
| 9 | Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh | ≥ 90% | 100% | Đạt |
| 10 | Mật độ đường cống thoát nước chính | ≥ 3km/km2 | 0,7km/km2 | Chưa Đạt |
| 11 | Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật | ≥ 15% | Nước thải chưa được xử lý  | Chưa đạt |
| 12 | Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom | ≥ 70% | 100% | Đạt |

## VII. Tổng hợp đánh giá mức độ đạt các tiêu chí thành lập phường

### 1. Đánh giá mức độ đạt các tiêu chí thành lập phường

Đánh giá các tiêu chí thành lập phường thuộc thị xã theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị, đến nay Thuận Lộc đã đạt 10/17 tiêu chí.

Còn 07 tiêu chí chưa đạt gồm: (1) Dân số toàn đô thị; (2) Tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3 năm so với Thị xã; (3) Chợ hoặc siêu thị; (4) Đất cây xanh sử dụng công cộng; (5) Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng; (6) Mật độ đường cống thoát nước chính; (7) Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật; Cần huy động nguồn lực tập trung trong thời gian tới để xây dựng, hoàn thành các tiêu chí chưa đạt, giữ vững và phát triển các tiêu chí đã đạt bền vững.

### 2. Một số khó khăn trong quá trình hoàn thành các tiêu chí thành lập phường

 - Mặc dù được sự quan tâm chỉ đạo thực hiện của Thị ủy, HĐND, UBND thị xã, cũng như tích cực thực hiện của Đảng ủy, HĐND, UBND xã và sự tham gia của người dân địa phương, song việc thực hiện mục tiêu xây dựng xã Thuận Lộc đạt các tiêu chí thành lập phường chưa hiệu quả.

 - Các cơ chế, chính sách ban hành để tạo nguồn lực xây dựng xã Thuận Lộc thành phường chưa thật sự mạnh mẽ; nguồn lực còn hạn chế.

 - Nguồn ngân sách của cấp trên và nguồn vốn ODA chi đầu tư xây dựng cho xã đạt các tiêu chí thành lập phường còn thấp.

- Thực tế trên địa bàn xã hiện nay các cơ sở sản xuất kinh doanh chủ yếu nhỏ lẻ, nhà máy xí nghiệp chưa có,… nên động lực thúc đẩy về kinh tế - xã hội còn hạn chế.

- Các mô hình kinh tế trên địa bàn xã quy mô nhỏ, tăng trưởng thiếu bền vững, các cơ sở sản xuất kinh doanh quy mô nhỏ lẻ phục vụ nhu cầu người dân trên địa bàn xã nên năng lực cạnh tranh thấp. Thương mại dịch vụ trên địa bàn xã chủ yếu là các cửa hàng bán lẻ, quy mô hộ gia đình chưa đáp ứng được yêu cầu của sự phát triển. Nông nghiệp phát triển chậm do sản xuất theo hình thức truyền thống, chưa thực sự có sự đầu tư vào phát triển nông nghiệp, chưa có sản phẩm mang thương hiệu riêng của xã.

- Thu hút đầu tư trên địa bàn còn chưa xứng tầm với tiềm năng lợi thế của xã nên chưa có sự bứt phá trong phát triển kinh tế, hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã còn khó khăn, hiệu quả chưa cao.

- Huy động nguồn lực xây dựng cơ sở hạ tầng còn hạn chế. Các chỉ tiêu đã đạt tiêu chí thành lập phường nhưng ở mức đạt còn chưa cao; một số tiêu chí đạt mức tối thiểu; các tiêu chí còn lại để đạt được còn gặp nhiều khó khăn.

# CHƯƠNG II: GIẢI PHÁP XÂY DỰNG XÃ THUẬN LỘC ĐẠT CÁC TIÊU CHÍ THÀNH LẬP PHƯỜNG

## I. Dân số

Sự phát triển của đô thị nhanh và bền vững yếu tố quan trọng đầu tiên là dân số. Dân số phải đảm bảo về số lượng và chất lượng. Thành lập phường Thuận Lộc đầu tiên cũng cần đáp ứng tiêu chí về dân số. Muốn gia tăng dân số cần có những chính sách, giải pháp để thu hút được người dân đến sinh sống và làm việc tại địa phương. Các giải pháp được đưa ra:

* Đầu tư xây dựng hạ tầng các khu dân cư đã được quy hoạch: Đồng Đán, Mụ Tý, Nền Tế, Hồng Nguyệt, Nhà Nếp, Tân Hòa để thu hút người dân các địa phương lận cận và nơi khác đến sinh sống tại các khu vực dân cư mới này. Khi các khu dân cư này được xây dựng thì sẽ thu hút được khoảng hơn 1.500 người cả trong và ngoài địa phương đến sinh sống.
* Quy hoạch và xây dựng các khu dân cư mới, đô thị mới với đầy đủ hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ để thu hút dân cư đến sinh sống tại địa phương.
* Quy hoạch và xây dựng các khu trung tâm thương mại, dịch vụ để thu hút các doanh nhân, thương nhân đến sống, đầu tư kinh doanh và người dân đến trao đổi mua bán tại địa phương.

## II. Lao động

Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp hiện nay của Thuận Lộc đã đạt trên 70%, và đạt tiêu chí về lao động trong cơ cấu thành lập phường. Nhưng cơ cấu lao động này còn thiếu bền vững và tiềm ẩn nhiều nguy cơ về thất nghiệp do tỷ lệ tăng trưởng của các ngành không tỷ lệ thuận với tỷ lệ tăng của lao động. Lao động làm trong các ngành nghề công nghiệp, thương mại – dịch vụ thường năng suất lao động cao hơn, công nghệ sản xuất ngày càng phát triển số lượng lao động cần ngày càng giảm hơn. Vì vậy việc duy trì và phát triển tỷ lệ lao động phi nông nghiệp một cách bền vững lâu dài cũng là một thách thức đối với địa phương. Thuận Lộc cần có những chính sách, giải pháp để phát triển và duy trì bền vững cơ cấu lao động đó như:

- Cung cấp tín dụng và tăng khả năng tiếp cận tín dụng cho người dân, để người dân phát triển các ngành nghề phi nông nghiệp.

- Khuyến khích phát triển các làng nghề, các doanh nghiệp sản xuất nhỏ hơn địa phương; phát triển các ngành thương mại, dịch vụ để thu hút lao động.

- Xây dựng chiến lược và kế hoạch để tăng cường công tác đào tạo nghề và hỗ trợ giới thiệu việc làm cho người dân.

- Kêu gọi đầu tư các nhà máy, xí nghiệp vào đầu tư trên địa bàn xã để tạo thêm cơ hội việc làm cho người dân.

- Cơ giới hóa, hiện đại hóa ngành nông nghiệp để giảm lượng lao động nông nghiệp và chuyển dịch cơ cấu lao động phi nông nghiệp.

## III. Quy hoạch xây dựng

Để xây dựng phường nội thị cần có được những định hướng phát triển theo hướng xây dựng đô thị trong tương lai. Vậy tiến hành thực hiện khảo sát, lập quy hoạch phân khu phường Thuận Lộc, để quy hoạch các khu chức năng cho phường, các khu đặc thù của đô thị nằm trên địa bàn phường, các khu dân cư mới, các khu dự trữ phát triển đô thị…là rất cần thiết và cần được thực hiện trong thời gian tới.

Với hệ thống giao thông kết nối liên huyện, liên xã là lợi thế để Thuận Lộc phát triển thương mại dịch vụ. Tại ngã ba đường Cơn Độ giao với đường Phan Kính là khu vực theo định hướng phát triển thương mại dịch vụ. Vậy nên cần lập quy hoạch chi tiết xây dựng khu vực này thành khu thương mại dịch vụ và nhà ở để thu hút đầu tư và tạo quy đất để phát triển thương mại dịch vụ trong tương lai.

Dọc 2 bên tuyến sông Nhà Lê đoạn từ cầu Hồng Phúc chảy về phía Nam với cảnh quan thiên nhiên đẹp có thể phát triển các hình thức du lịch ven sông và phát triển các mô hình du lịch sinh thái ven sông. Song việc khai thác phát triển phải đảm bảo bảo vệ nguồn nước, bảo vệ cảnh quan. Vậy nên việc quy hoạch chi tiết các khu chức năng dọc 2 bên bờ sông nhà Lê (đoạn từ cầu Cơn Độ chảy về phía Nam) là rất cần thiết phải thực hiện trong thời gian tới.

## IV. Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

1. Tỷ lệ hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn hiện nay cao hơn so với trung bình toàn thị xã hơn 1%, vậy nên muốn giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống mức thấp hơn nữa cần có những chính sách hợp lý:

- Cung cấp tín dụng và tăng khả năng tiếp cận tín dụng cho hộ nghèo, để người dân có cơ hội đầu tư sản xuất kinh doanh để năng cao đời sống.

- Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ hộ nghèo như: miễn, giảm học phí cho con em hộ nghèo; cấp thẻ bảo hiểm y tế cho hộ nghèo; …

- Tìm kiếm các nguồn vốn xã hội hóa, tài trợ để hỗ trợ xây dựng nhà cho các hộ nghèo, hỗ trợ tài chính cho các hộ nghèo có cơ hội đầu tư sản xuất.

- Hỗ trợ đào tạo nghề, giới thiệu việc làm cho các hộ nghèo.

- Ưu tiên các học bổng, chương trình học tập cho con em các hộ nghèo.

- Phân công các cán bộ Đảng viên giúp đỡ, hướng nghiệp cho các hộ nghèo trong sản xuất.

2. Thu chi ngân sách

Tiếp tục duy trì việc đảm bảo cân bằng thu chi ngân sách hàng năm. Thực hiện Nghị quyết đại hội đảng bộ xã lần thứ 34 là tăng thu ngân sách hàng năm 10% – 11%. Giải pháp thực hiện để đảm bảo thu chi ngân sách:

- Tăng cường quản lý tài chính ngân sách

- Tích cực khai thác các nguồn thu từ cấp quyền sử dụng đất, thuê đất, thuê mặt nước để tăng thu ngân sách trên địa bàn.

- Thực hiện tốt việc lập và thu thuế nhà đất, thuế xây dựng nhà ở, thuế môn bài, và các loại phí, lệ phí, các loại quỹ để tăng nguồn thu cho ngân sách.

- Kiểm soát chi ngân sách chặt chẽ theo dự toán, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, nâng cao kỷ luật, kỷ cương tài chính.

## V. Phát triển hệ thống hạ tầng xã hội

1. Giáo dục

Tiếp tục thực hiện đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, duy trì và phát triển hệ thống giáo dục, trường lớp hiện nay và nâng cao chất lượng dạy và học. Đẩy mạnh xây dựng trường chuẩn Quốc gia. Kêu gọi xã hội hóa giáo dục để xây dựng tốt hơn cơ sở vật chất trường lớp để năng cao chất lượng dạy và học. Lập quy hoạch xây dựng các trường và thực hiện xây dựng, quản lý xây dựng theo quy hoạch đã được duyệt. Bố trí ngân sách và huy động thêm các nguồn vốn hỗ trợ khác để tu bổ, sữa chữa, nâng cấp trường.

Một số dự án cải tạo cơ sở hạ tầng của trường học trên địa bàn đã được phê duyệt: trường mầm non xây dựng mới và nâng cấp một số hạng mục phụ trợ đã được phê duyệt với tổng mức đầu tư gần 6 tỷ đồng và liên trường tiểu học và THCS xây dựng mới và nâng cấp một số hạng mục phụ trợ với tổng mực 3 tỷ đồng. Nguồn vốn của các dự án là nguồn vốn ngân sách. Dự kiến từ nay đến năm 2025, xin hỗ trợ từ ngân sách xây dựng thêm nhà đa năng và cải tạo một số hạng mục phụ trợ cho liên trường TH và THCS.

2. Y tế

Duy trì và phát triển trạm y tế xã để năng cao chất lượng phục vụ chăm sóc sức khỏe cho người dân. Thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia, y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, vệ sinh an toàn thực phẩm. Thực hiện xây dựng trạm y tế, quản lý xây dựng theo quy hoạch đã được duyệt. Bố trí ngân sách và huy động thêm các nguồn vốn hỗ trợ khác để cải tạo, sữa chữa, nâng cấp trạm y tế để đáp ứng tốt nhu cầu của người dân đô thị và xây dựng cơ sở hạ tầng y tế theo tiêu chuẩn đô thị.

3. Văn hóa – thể dục thể thao

Đẩy mạnh phong trào *“Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”*. Chú trọng chất lượng gia đình văn hóa, thôn văn hóa, phong trào văn nghệ quần chúng, phong trào thể dục thể thao.

Bố trí ngân sách và huy động thêm các nguồn vốn hỗ trợ khác để cải tạo, sữa chữa, nâng cấp sân thể thao trung tâm và xây dựng khu vui chơi giải trí văn hóa để đáp ứng tốt hơn nhu cầu ngày càng cao của người dân và phát triển nét văn hóa đô thị. Xây dựng thêm các sân thể thao kết hợp tiểu công viên khu vui chơi giải trí để mỗi thôn có ít nhất một khu. Kêu gọi các nguồn xã hội hóa để đầu tư cơ sở vật chất vào các khu vui chơi giải trí cho người dân. Xây dựng nhà văn hóa ở các thôn theo tiêu chuẩn đô thị, bằng nguồn vốn xã hội hóa và nguồn vốn hợp pháp khác.

4. Thương mại – dịch vụ

Bố trí nguồn vốn ngân sách để đầu tư xây dựng trung tâm thương mại Đồng Đán đã được quy hoạch xây dựng, để thực hiện bước tiếp theo đầu tư xây dựng sớm đưa dự án vào hoạt động. Khuyến khích và kêu gọi đầu tư xây dựng thêm các công trình thương mại – dịch vụ, siêu thị vừa và nhỏ trên địa bàn để đáp ứng các nhu cầu của người dân và các địa phương lân cận. Đầu tư xây dựng kè Sông Nhà Lê để phát triển du lịch trải nghiệm, du lịch sinh thái dọc sông.

5. Cây xanh công cộng

Quy hoạch xây dựng bố trí không gian xanh trong các công trình công cộng vừa tạo cảnh quan, vừa điều hòa vi khí hậu cho khu vực. Bố trí ngân sách và huy động thêm các nguồn vốn hỗ trợ khác để xây dựng khu công viên xanh tập trung ở trung tâm xã, công viên cây xanh theo quy hoạch ở khu dân cư Nền Tế, các tiểu công viên như tiểu công viên ở thôn Chùa, công viên trong khu ở như công viên khu Nhà Nếp,... Đảm bảo đáp ứng tối thiểu tiêu chí về cây xanh sử dụng công cộng trên địa bàn xã là 2 m2/người, diện tích cây xanh công cộng cần xây dựng là 10.000 m2.

6. An ninh

Đảm bảo an ninh an toàn cho đời sống nhân dân và xứng tầm là phường nội thị thì việc xây dựng trụ sở công an phường là rất cần thiết. Trong quy hoạch phân khu xây dựng quy hoạch khu vực trụ sở công an phường. Bố trí nguồn vốn ngân sách xây dựng mới trụ sở công an phường đặt tại vị trí trung tâm xã. Với các hạng mục dự kiến xây dựng là nhà làm việc 2 tầng, nhà bảo vệ, nhà để xe, sân đường nội bộ, cổng và hàng rào.

## VI. Phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

1. Hệ thống giao thông

Bố trí nguồn vốn để đảm bảo việc bảo trì, bảo dưỡng, cải tạo, sữa chữa hệ thống giao thông hiện trạng. Xây dựng phát triển thêm hệ thống giao thông nội thôn, liên thôn, liên xã, liên huyện trên địa bàn xã đảm bảo theo quy hoạch, đúng theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Đầu tư xây dựng hạ tầng đường đường Phan Kính dài 2,8km với quy mô dự kiến đường trục chính khu vục.

- Đầu tư xây dựng đường và hạ tầng đường Nguyễn Thiếp kéo dài từ Cầu Hồng Phúc đến giao với đường Phan Kính dài 4,61km.

- Đầu tư xây dựng hạ tầng đường Cơn Độ từ đường Phan Kính đến kết nối với trung tâm xã dài 2,1km.

- Đầu tư xây dựng đường và hạ tầng đường Nam Bình dài 2,1km.

2. Hệ thống cấp điện

Hệ thống cấp điện hiện nay đã đáp ứng tốt nhu cầu của người dân hiện tại trong việc phục vụ đời sống và sản xuất. Tiếp tục duy trì và phát triển hệ thống điện để đáp ứng nhu cầu phát triển của địa phương. Đầu tư phát triển hệ thống chiếu sáng đường giao thông phủ rộng đến hầu hết các tuyến đường trên địa bàn xã.

- Đối với các khu dân cư, đô thị mới phải thiết kế đồng bộ hệ thống hạ tầng trong đó hệ thống điện phải hạ ngầm toàn bộ đường dây.

- Đầu tư hệ thống chiếu sáng đường từ đường Cơn Độ.

- Đầu tư hệ thống chiếu sáng đường Nguyễn Thiếp kéo dài từ Cầu Hồng Phúc đến giao với đường Phan Kính.

3. Hệ thống cấp nước

Duy trì và phát triển hệ thống cấp nước để đáp ứng tốt các nhu cầu về nước sạch sử dụng cho sinh hoạt và sản xuất của người dân. Bố trí và huy động nguồn vốn hợp pháp khác để nâng cấp, sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng cấp nước để đảm bảo việc cấp nước liên tục, chất lượng nước sạch đạt tiêu chuẩn.

4. Hệ thống thoát nước

Bố trí nguồn vốn ngấn sách và huy động thêm nguồn vốn hợp pháp khác để nâng cấp, xây dựng thêm hệ thống cống, mương thoát nước phủ rộng đến các khu dân cư hiện trạng, khu đô thị mới, trung tâm thương mại, dịch vụ, khu công cộng,… đảm bảo thoát nước tự chảy, thoát nhanh, không bị đọng nước.

- Đầu tư xây dựng, cải tạo, sữa chữa hệ thống các tuyến đường trung tâm xã phải xây dựng mương thoát nước có nắp hoặc cống thoát nước.

- Đầu tư xây dựng hệ thống mương thoát nước có nắp ở các tuyến đường đi qua địa bàn Thuận Lộc: Nguyễn Thiếp kéo dài, đường Cơn Độ, đường Phan Kính, đường Nam Bình.

- Đối với các khu đô thị, dân cư mới phải thiết kế xây dựng hệ thống thu gom nước thải riêng và xây dựng trạm xử lý cục bộ cho từng khu vực cụ thể.

- Kêu gọi người dân đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải hộ gia đình, cụm dân cư theo mô hình của nông thôn mới có nâng cấp đạt tiêu chuẩn kỹ thuật trước khi xả thải ra môi trường nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường cho khu dân cư.

- Toàn bộ hệ thống thoát nước phải thực hiện theo quy hoạch phân khu và tuân theo quy hoạch chung của thị xã để đảm bảo nước thải chảy về khu xử lý tập trung của thị xã. Tỷ lệ nước thải trên địa bàn được xử lý tối thiểu đạt 15%.

5. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn

Duy trì và phát triển hệ thống thu gom chất thải rắn trên địa bàn. Quy hoạch và xây dựng các điểm thu, tập kết chất thải rắn tập trung trên địa bàn, điểm tập kết của phường để thu gom chất thải rắn. Ở các khu vực hành chính, công cộng bố trí thùng rác; khu thương mại, chợ bố trí khu tập kết chất thải rắn đảm bảo tiêu chuẩn. Liên kết, ký kết hợp đồng với các đơn vị thu gom xử lý chất thải của Thị xã để đảm bảo 100% chất thải rắn được thu gom và đưa về khu xử lý theo đúng quy định.

# CHƯƠNG III: GIẢI PHÁP VỀ CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH VÀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

## I. Danh mục ưu tiên

 Danh mục ưu tiên trong giai đoạn 2021 – 2025 là các dự án đầu tư vào xã Thuận Lộc để đạt các tiêu chí thành lập Phường. Các dự án được ưu tiên vào các hạng mục: phát triển hạ tầng các dân cư, giảm tỷ lệ hộ nghèo, đầu tư chợ hoặc siêu thị, đầu tư khu cây xanh tập trung sử dụng công cộng, đường phố chính được chiếu sáng hệ thống thống đường ống thoát nước thải, hệ thống xử lý nước thải khu dân cư.

| **Bảng tổng hợp dự kiến kinh phí và nguồn thực hiện** |
| --- |
| **TT** | **Tên hạng mục** | **Khối lượng** | **Đơn vị** | **Dự kiến kinh phí (tỷ đồng)** | **Phân kỳ đầu tư** | **Nguồn vốn** |
| **2022-2025** | **Sau 2025** | **Vốn ODA** | **Ngân sách tỉnh** | **Ngân sách Thị xã** | **Ngân sách xã** | **Xã hội hóa** |
| **I** | **Hệ thống hạ tầng xã hội** |  |  | **29,0** |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Xây dựng mới công viên vui chơi giải trí trung tâm |  |  | 4,0 |  | 4,0 | 4,0 |  |  |  |  |
| 2 | Cải tạo, nâng cấp sân vận động trung tâm |  |  | 1,0 |  | 1,0 |  |  |  | 1,0 |  |
| 3 | Xây dựng mới 4 sân vận động kết hợp tiểu công viên vui chơi giải trí |  |  | 4,0 |  | 4,0 |  |  |  | 1,0 | 3,0 |
| 4 | Xây dựng mới chợ Đồng Đán |  |  | 20,0 | 10,0 | 10,0 |  |  |  |  | 20,0 |
| **II** | **Hệ thống hạ tầng kỹ thuật** |  |  | **128,0** |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Xây dựng đường và hạ tầng kỹ thuật đường Nguyễn Thiếp  | 4,61 | km | 120,0 | 120,0 |  |  | 120,0 |  |  |  |
| 2 | Xây dựng hạ tầng khu dân cư Nền Tế | 2,49 | ha | 15,0 | 15,0 |  |  |  | 10,0 | 5,0 |  |
| 3 | Xây dựng hạ tầng khu dân cư Đồng Đán | 2,06 | ha | 15,0 | 15,0 |  |  |  | 10,0 | 5,0 |  |
| 4 | Xây dựng hạ tầng khu dân cư Mụ Tý | 1,95 | ha | 14,0 | 14,0 |  |  |  | 14,0 |  |  |
| 5 | Xây dựng hạ tầng khu dân cư Hồng Nguyệt | 0,62 | ha | 6,0 | 6,0 |  |  |  | 4,0 | 2,0 |  |
| 6 | Xây dựng hạ tầng khu dân cư Nhà Nếp | 0,43 | ha | 4,0 | 4,0 |  |  |  |  | 4,0 |  |
| 7 | Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đường Phan Kính (chiếu sáng + thoát nước) | 2,8 | km | 15,4 |  | 15,4 |  | 9,0 | 6,4 |  |  |
| 8 | Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật đường Cơn Độ (chiếu sáng + thoát nước) | 2,1 | km | 8,5 |  | 8,5 |  |  | 4,0 | 4,5 |  |
| 9 | Mở rộng đường và XD hạ tầng kỹ thuật đường Nam Bình  | 2,1 | km | 25,0 | 10,0 | 15,0 |  | 20,0 | 5,0 |  |  |
| 10 | Xây dựng hệ thống xử lý nước thải cục bộ cho cụm dân cư |  |  | 10,0 | 5,0 | 5,0 |  |  |  | 5,0 | 5,0 |
| **III** | **Quy hoạch** |  |  | **5,0** |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Chi phí khảo sát, lập quy hoạch phân khu  | 1 | Đồ án | 3,0 | 3,0 |  |  |  | 3,0 |  |  |
| 2 | Chi phí khảo sát, lập QH chi tiết khu thương mại dịch vụ và nhà ở tại Ngã Ba Cơn Độ | 1 | Đồ án | 1,0 |  | 1,0 |  |  |  | 1,0 |  |
| 3 | Quy hoạch chi tiết dọc 2 bên sông Nhà Lê (đoạn từ cầu Cơn Độ chảy về phía Nam) | 1 | Đồ án | 1,0 |  | 1,0 |  |  |  | 1,0 |  |
| **IV** | **Hạng mục khác** |  |  | **1,5** |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Hỗ trợ nguồn vốn để giảm nghèo  |  |  | 1,5 | 1,5 |  |  | 1,5 |  |  |  |
| **TỔNG** | **268,40** | **203,50** | **64,90** | **4,00** | **150,50** | **56,40** | **29,50** | **28,00** |

## II. Dự kiến nhu cầu vốn

Dự kiến tổng nhu cầu vốn đầu tư xây dựng Thuận Lộc đạt các tiêu chí thành lập phường giai đoạn 2022 - 2025 là: 268,40 tỷ đồng, trong đó giai đoạn trên các lĩnh vực như sau:

- Hạ tầng kỹ thuật: 128,0 tỷ đồng; gồm có: xây dựng hạ tầng các khu dân cư 54,0 tỷ đồng; đường và hệ thống hạ tầng kỹ thuật 168,9 tỷ đồng; hạ tầng thoát nước thải và xử lý nước thải 10 tỷ.

- Hạ tầng xã hội: 29,0 tỷ đồng; gồm có: vui chơi giải trí 4,0 tỷ đồng; sân vận động 1,0 tỷ đồng; chợ 20,0 tỷ đồng.

- Quy hoạch: 5,0 tỷ đồng.

- Chính sách xã hội: 10 tỷ đồng.

## III. Phân bổ nguồn vốn

### 1. Phân bổ nguồn vốn

- Tổng nguồn vốn từ ODA, ngân sách tỉnh, thị xã và ngân sách xã: 240,4 tỷ đồng, chiếm 89,5% tổng nhu cầu; trong đó:

+ Nguồn vốn ngân sách tỉnh: 150,50 tỷ đồng;

+ Nguồn vốn ngân sách thị xã: 56,4 tỷ đồng;

+ Nguồn vốn ngân sách xã: 29,5 tỷ đồng;

+ Nguồn vốn ODA: 4,0 tỷ đồng.

- Nguồn vốn xã hội hóa: 28,0 tỷ đồng, chiếm 22,75%.

### 2. Giải pháp huy động nguồn vốn

*a. Ngân sách tỉnh:**Tổng nguồn vốn 150,5 tỷ đồng*

Nhóm các dự án đề nghị ngân sách tỉnh hỗ trợ từ các nguồn kiến thiết hàng năm: 136,5 tỷ đồng gồm: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đường Phan Kính 15,4 tỷ đồng; Xây dựng đường và hạ tầng kỹ thuật đường Nguyễn Thiếp 120,0 tỷ đồng (đang phê duyệt dự án); Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đường Cơn Độ 8,5 tỷ đồng; Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đường Nam Bình 25,0 tỷ đồng.

Nhóm các đề nghị ngân sách tỉnh hỗ trợ theo các dự án hỗ trợ giảm nghèo: Hỗ trợ nguồn vốn để giảm nghèo bền vững: 1,5 tỷ đồng.

*b. Ngân sách thị xã: Tổng nhu cầu nguồn vốn 56,4 tỷ đồng;*

- Nguồn thu từ tiền cho thuê đất, mặt nước của các tổ chức kinh tế sử dụng vào mục đích kinh doanh phát sinh trên địa bàn: Dự kiến huy động 10,0 tỷ đồng.

- Tiền đấu giá cấp quyền sử dụng đất ở các khu vực xen dắm đã có hạ tầng: Dự kiến huy động 30,0 tỷ đồng.

- Nguồn thu tiền sử dụng đất khi giao đất, cho thuê đất cho các nhà đầu tư xây dựng khu dân cư, khu đô thị trên địa bàn thị xã: 10,0 tỷ đồng;

- Chuyển mục đích sử đụng đất: 5,4 tỷ đồng;

- Công nhận Quyền sử dụng đất: 1,0 tỷ đồng;

*c. Ngân sách xã: Tổng nhu cầu nguồn vốn 29,50 tỷ đồng;*

- Nguồn thu từ tiền cho thuê đất, mặt nước của các tổ chức kinh tế sử dụng vào mục đích kinh doanh phát sinh trên địa bàn: Dự kiến huy động 1,5tỷ đồng.

- Tiền đấu giá cấp quyền sử dụng đất ở các khu vực xen dắm đã có hạ tầng: Dự kiến huy động 27,0 tỷ đồng.

- Chuyển mục đích sử đụng đất: 0,5 tỷ đồng;

- Công nhận Quyền sử dụng đất: 0,5 tỷ đồng;

*d. Đối với nguồn vốn ODA: Tổng nguồn vốn 4,0 tỷ đồng;*

Đề xuất tỉnh kêu gọi nguồn vốn ODA nâng cấp hệ thống hạ tầng xã hội cho xã: xây dựng mới khu vui chơi giải trí cho người dân trong xã. Và kêu gọi nguồn vốn ODA hỗ trợ xã trong giảm nghèo bền vững.

*e. Huy động nguồn lực đóng góp của Nhân dân: tổng nguồn vốn 8,0 tỷ đồng*

Tập trung tuyên truyền chủ trương huy động vốn xã hội hóa với phương châm dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân hưởng lợi; chỉ đạo thực hiện tốt các cơ chế chính sách về hỗ trợ chỉnh trang đô thị đã được HĐND thị xã và HĐND các xã, phường thông qua.

Đối với các công trình, dự án, ngoài định mức hỗ trợ của ngân sách tỉnh, ngân sách thị xã, phần còn lại huy động đóng góp trong Nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang trên cơ sở công khai, minh bạch, dân chủ, quy định của pháp luật, tạo được sự đồng thuận cao.

 *f. Huy động xã hội hóa nguồn lực từ các doanh nghiệp trong đầu tư công trình dịch vụ đô thị: chợ hoặc trung tâm thương mại: tổng nguồn vốn 20,0 tỷ đồng*

Thị xã, xã chịu trách nhiệm giới thiệu địa điểm cho nhà đầu tư, hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện các quy trình, thủ tục theo quy định. Thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng, thực hiện bàn giao mặt bằng theo tiến độ mà nhà đầu tư yêu cầu. Cung cấp các thông tin về lao động, thị trường, cấp điện, cấp nước, hướng dẫn nhà đầu tư lựa chọn địa điểm theo đúng quy hoạch. Giúp nhà đầu tư làm việc với các đơn vị liên quan để đấu nối các hạ tầng kỹ thuật đô thị phục vụ cho dự án của nhà đầu tư (điện, nước, thông tin liên lạc, cấp thoát nước…). Làm đầu mối cho nhà đầu tư làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để nhà đầu tư được tiếp cận và hưởng các cơ chế, chính sách ưu đãi của Trung ương, tỉnh được kịp thời và đúng quy định. Đảm bảo tuyệt đối về an ninh trật tự, an toàn ở khu vực nhà đầu tư thực hiện dự án trong quá trình đầu tư, cũng như trong quá trình dự án đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

## IV. Giải pháp cơ chế, chính sách huy động nguồn lực

### 1. Giải pháp về cơ chế.

 - Đề nghị UBND thị xã ưu tiên kêu gọi thu hút các doanh nghiệp, công ty về đầu tư trên địa bàn xã.

 - Đề nghị hỗ trợ 100% kinh phí phát sinh từ đất trên địa bàn xã phần thị xã được hưởng.

 - Đề nghị ngoài mức hỗ trợ theo Nghị Quyết 97/2020/NQ-HĐND của Hội đồng Nhân dân thị xã Hồng Lĩnh thì hỗ trợ thêm 10% đối với các công trình chỉnh trang đô thị trên địa bàn xã.

 - Đề nghị cho UBND xã chủ trương được lập quy hoạch các khu đất xen dắm để đấu giá và cho hợp thức các diện tích đất liền kề để tăng nguồn thu trên địa bàn xã.

### 2. Giải pháp về quản lý và khai thác quỹ đất.

Xây dựng quy định một số nội dung cụ thể để nhằm đẩy nhanh tiến độ khai thác và khai thác có hiệu quả quỹ đất nhằm tăng nguồn thu cho ngân sách để tạo vốn xây dựng kết cấu hạ tầng trên địa bàn xã. Trong đó quy định rõ một số nội dung:

- Qua việc phân bổ nguồn vốn thực hiện, có thể thấy tỷ lệ vốn ngân sách Thị xã và xã tương đối lớn. Để UBND thị xã và xã chủ động về nguồn vốn, kính đề nghị UBND tỉnh ban hành cơ chế, tiền quỹ đất khai thác được sẽ phân bổ cho UBND Thị xã và xã quản lý nhằm xây dựng đô thị.

- Đối với các khu vực phát triển đô thị: ưu tiên các nhà đầu tư xây dựng các khu đô thị mới đảm bảo đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật.

- Kế hoạch đấu giá đất và quỹ đất khai thác để tạo vốn xây dựng kết cấu hạ tầng phải được lập và đưa vào kế hoạch hàng năm và công bố công khai theo quy định.

- Tiến hành quy hoạch chi tiết và xác định các vị trí, khu vực có giá trị sinh lợi cao.

- Việc rà soát để bổ sung quy hoạch các khu đô thị mới phải được tiến hành thường xuyên.

- Rà soát, tổng hợp các khu đất hiện đang bỏ hoang, vi phạm sử dụng thiếu hiệu quả để đưa vào đấu giá cho thuê nhằm thu tiền kinh tế đất và quản lý hiệu quả đất đai đô thị.

### 3. Giải pháp về chính sách.

- Tiếp tục rà soát các quy định, chính sách về đầu tư, kinh doanh để đề xuất sửa đổi các nội dung không đồng bộ, thiếu nhất quán, sửa đổi các quy định còn bất cập, chưa rõ ràng liên quan đến thủ tục đầu tư và kinh doanh.

- Tiếp tục cụ thể hóa bằng kế hoạch để khai thác có hiệu quả các chính sách về các ưu đãi khuyến khích đầu tư vào các lĩnh vực: phát triển khu đô thị, phát triển hạ tầng kỹ thuật (thoát nước, chiếu sáng, môi trường đô thị,…), xây dựng, cải tạo công trình phúc lợi (trạm y tế, trường học, văn hoá, thể thao), các dự án đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn đã được các cơ quan ban hành để có thể áp dụng vào tình hình thực tế của xã.

- Tiếp tục rà soát các dự án đã cấp giấy chứng nhận đầu tư, trên cơ sở đó có biện pháp hỗ trợ, tập trung tháo gỡ vướng mắc và tạo điều kiện để dự án sớm triển khai;

- Cần tiếp tục thực hiện thành công Đề án đơn giản hoá thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước để tiếp tục thu hút vốn đầu tư.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả việc phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và tình trạng nhũng nhiễu đối với nhà đầu tư. Đề cao tinh thần trách nhiệm cá nhân trong xử lý công việc, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ở các cơ quan quản lý nhà nước của địa phương.

- Duy trì cơ chế đối thoại thường xuyên giữa lãnh đạo với các nhà đầu tư để xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện chính sách và pháp luật hiện hành, đảm bảo các dự án hoạt động hiệu quả, nhằm tiếp tục củng cố lòng tin của các nhà đầu tư đối với môi trường đầu tư kinh doanh tại đô thị, tạo hiệu ứng lan toả và tác động tích cực tới nhà đầu tư mới.

### 4. Giải pháp thu hút đầu tư

Việc thu hút các dự án đầu tư phải đảm bảo xem xét đến các tiêu chí sau:

- Thứ nhất, nâng cao mức sống của người dân, thể hiện trực tiếp qua mức thu nhập của người lao động làm việc trong các dự án được cải thiện theo hướng bằng hoặc cao hơn mức thu nhập bình quân đầu người. Đồng thời dự án đầu tư phải đem lại những tác động lan tỏa tích cực đối với khu vực lân cận: hình thành các dịch vụ, tạo công ăn việc làm gián tiếp cho nhân dân vùng dự án…góp phần vào công cuộc xóa đói giảm nghèo.

- Thứ hai, tiêu chí tạo giá trị gia tăng cao, tăng thu ngân sách, tạo nhiều công ăn việc làm cho người lao động.

- Thứ ba, tiêu chí bảo vệ môi trường, dự án đầu tư theo hướng sử dụng ít diện tích đất, có suất đầu tư lớn, sử dụng công nghệ hiện tại, thân thiện với môi trường, có các biện pháp hữu hiệu để bảo vệ môi trường sinh thái.

- Thứ tư, tiêu chí tạo tác động lan tỏa tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội nói chung như: tạo cơ hội hợp tác cũng như gia tăng tính cạnh tranh dẫn tới xu hướng ngày càng nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của khu vực trong nước, thúc đẩy ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh, thúc đẩy chuyển giao công nghệ, góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng,…

- Thứ năm, tiêu chí đảm bảo củng cố và giữ vững an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội.

### 5. Giải pháp về nguồn nhân lực.

##### a. Về công tác đào tạo nghề.

 - Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành về tầm quan trọng và ý nghĩa của công tác đào tạo nghề.

 - Các cấp, các ngành phải xem nhiệm vụ đào tạo nghề là nhiệm vụ trọng tâm; xây dựng, lồng ghép vào chương trình công tác thuộc lĩnh vực ngành và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; là cơ sở để chỉ đạo triển khai thực hiện nhằm trang bị những kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, trình độ cho lao động nông thôn để tìm kiếm việc làm hoặc tự tạo việc làm ổn định, phù hợp với bản thân người lao động, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng thu nhập, nâng cao mức sống người dân.

- Quan tâm đào tạo nghề và giải quyết việc làm đối với đối tượng nghèo và cận nghèo để họ phát triển sản xuất, vươn lên thoát nghèo và không để tái nghèo.

 - Đào tạo nghề cho lao động nông thôn xuất phát từ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, phải phù hợp với quy hoạch sản xuất nông nghiệp; đào tạo nghề phi nông nghiệp gắn với quy hoạch phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và chuyển dịch cơ cấu lao động từ lĩnh vực nông nghiệp sang công nghiệp, thương mại – dịch vụ.

- Đổi mới và phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo. Tạo điều kiện thuận lợi để lao động nông thôn tham gia các chương trình đào tạo phù hợp với trình độ học vấn, điều kiện kinh tế đáp ứng yêu cầu hội nhập và từng bước tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới.

- Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp tham gia hoạt động dạy nghề cho lao động nông thôn.

##### b. Về giải quyết việc làm.

- Nắm bắt kịp thời thông tin thị trường lao động, thống kê nhu cầu học nghề, việc làm để phân loại làm cơ sở cung ứng lao động, hướng nghiệp cho lao động vào những ngành nghề nhu cầu lớn; triển khai việc liên kết cung ứng lao động với Trung tâm dịch vụ việc làm của tỉnh, các trường nghề trên địa bàn, các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng.

- Xây dựng và phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động nhằm tăng cường và thực hiện tốt chức năng quản lý về lao động, việc làm; tổ chức tốt các cuộc điều tra lao động, việc làm, phục vụ cho việc dự báo tính cung, cầu lao động đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương; thực hiện tốt công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp, định hướng cho người lao động, nhất là lao động trẻ sớm học nghề nhằm tăng cơ hội tìm được việc làm phù hợp.

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của các cấp trong việc thực hiện công tác tuyên truyền, vận động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Thường xuyên liên hệ với các Công ty hoạt động XKLĐ, các trường nghề và Trung tâm dịch vụ việc làm để kịp thời nắm bắt các thông tin, nhu cầu tuyển dụng lao động, thị trường xuất khẩu lao động nhằm vận động, tuyển chọn ngay trên địa bàn huyện những lao động có nhu cầu tìm kiếm việc làm và XKLĐ.

### 6. Kế hoạch huy động vốn đối với từng nhóm dự án.

##### 1.1. Dự án công trình dịch vụ công cộng.

1. *Đầu tư xây dựng chợ Đồng Đán*

- Phát triển thương mại dịch vụ, xây dựng chợ Đồng Đán. Thu hút kêu gọi nguồn vốn từ doanh nghiệp.

- Tạo cơ chế khuyến khích đầu tư bao gồm:

+ Doanh nghiệp được mua quyền sử dụng đất theo giá đất do Tỉnh ban hành.

+ Trong thời gian khi đang xây dựng và chưa đi vào hoạt động cho doanh nghiệp hoãn trả tiền mua quyền sử dụng đất, khi doanh nghiệp xây dựng xong và đi vào hoạt động sẽ lấy lợi nhuận từ hoạt động bán ki ốt, tiền thuê, đấu giá cho thuê,... trả dần theo các năm với thời hạn trong vòng 5 năm.

+ Hỗ trợ tạo thuận lợi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ki ốt, quyền sử dụng cửa hàng và các hạng mục khác, miễn thu tiền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Bên cạnh đó cho phép hỗ trợ về thuế thu nhập cho các hộ kinh doanh.

1. *Dự án công trình văn hóa thể thao:*

Đây là những dự án công trình hạ tầng xã hội phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của người dân như công viên vui chơi giải trí xã, sân vận động kết hợp tiểu công viên,... Đồng thời đây là những dự án theo chủ trương của Chính phủ cần phải được xã hội hóa theo Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/05/2008 về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở được hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hoá theo Nghị định số 69/2008/NĐ-CP. Do đó việc huy động vốn có thể thực hiện theo các giải pháp sau:

* Thực hiện đầu tư bằng nguồn ngân sách nhà nước, UBND xã trình huyện cấp ngân sách hoặc cho cơ chế tạo nguồn lực từ việc đấu giá đất.
* Huy động nguồn lực từ doanh nghiệp: Thực hiện các giải pháp về hợp tác công tư, kêu gọi tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vào đầu tư xây dựng các công trình này. Những ưu đãi cho doanh nghiệp đầu tư vào các công trình văn hóa thể thao theo đúng các quy định tại Nghị định 69.
* Huy động nguồn lực từ nhân dân đóng góp xây dựng các khu vui chơi ở các thôn, cụm dân cư.

##### 1.2. Dự án hạ tầng khung.

1. *Giao thông và hạ tầng kỹ thuật*

- Nội dung bao gồm: cải tạo nâng cấp một số tuyến đường hiện trạng; đầu tự hạ tầng kỹ thuật một số tuyến đường Phan Kính, Nguyễn Thiếp, Nam Bình,… Nguồn vốn từ NS tỉnh, Vốn ODA, tiền đất, NS huyện, NS xã, Doanh nghiệp đầu tư, dân đóng góp. Giải pháp huy động vốn:

+ Huy động từ nguồn đấu giá đất.

+ Bên cạnh đó xã vận động nhân dân hiến đất để mở rộng các tuyến phố chính (nhân dân chấp nhận giải phóng mặt bằng, không đền bù, bù lại người dân sẽ được hưởng lợi do giá trị, lợi thế thương mại của tuyến đường mang lại), hoặc có thể đền bù cho người dân một số diện tích đất ở khu vực khác.

+ Huy động người dân đô thị tham gia cải tạo, nâng cấp các tuyến đường: nhà nước đầu tư hệ thống lòng đường, cống thoát nước, chiếu sáng. Người dân tham gia đầu tư lát vỉa hè, trồng cây xanh,...

1. *Thoát nước và xử lý nước thải.*

- Hỗ trợ về mặt kỹ thuật, đưa ra những ưu điểm, thuận lợi để vận động người dân đầu tư cải tạo hệ thống xử lý nước thải hộ gia đình hiện có đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn xả thải.

- Hiện nay việc thu hút nguồn tài trợ, đầu tư nước ngoài vào việc giải quyết vấn đề môi trường đô thị đang rất phát triển trên cả nước. Nên việc tranh thủ lập các đề án, chương trình kêu gọi thực hiện bảo vệ môi trường như: rác thải, nước thải,... là rất cần thiết. Vậy nên Thuận Lộc cần xây dựng các chương trình, kế hoạch, giải pháp xử lý nước thải để có cơ hội xin hỗ trợ từ các nguồn tài trợ trong và ngoài nước về môi trường.

*c. Cấp điện.*

- Hoàn thiện hệ thống mạng lưới điện và hệ thống chiếu sáng đường theo quy hoạch chung xã; nguồn vốn từ NS tỉnh, Vốn ODA, tiền đất, NS huyện, NS xã, doanh nghiệp đầu tư.

- Khuyến khích, vận động người dân xây dựng hệ thống chiếu sáng ngõ xóm, đường nội khu để đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn.

- Các khu đô thị mới, khu thương mại dịch vụ, công trình công cộng phải bắt buộc có hệ thống chiếu sáng các trục đường xung quanh, chiếu sáng công trình.

*d. Cây xanh đô thị*

- Hoàn thiện và xây dựng thêm các khu cây xanh cộng cộng đơn vị ở: công viên, vườn hoa, bao gồm: công viên trung tâm, công viên cây xanh kết hợp thể dục thể thao, … Nguồn vốn từ từ Vốn ODA, tiền đất, NS huyện, NS xã, doanh nghiệp đầu tư, dân đóng góp.

- Kêu gọi người dân đóng góp xây dựng các khu vui chơi giải trí, tiểu công viên nội khu đáp ứng nhu cầu hàng ngày của người dân.

# CHƯƠNG IV : TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KẾT LUẬN

## I. Tổ chức thực hiện

### 1. Đảng ủy, HĐND, UBND xã

- Ban Chấp hành Đảng bộ xã ban hành Nghị quyết để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Đề án này.

- Thành lập Ban chỉ đạo, Tổ giúp việc của xã thực hiện nhiệm vụ huy động nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng, chỉnh trang đô thị.

- Huy động sự vào cuộc của toàn hệ thống chính trị xã, các đơn vị, doanh nghiệp, người dân ở từng địa bàn tham gia thực hiện xây dựng các tiêu chí thành lập phường.

- Xây dựng lộ trình, kế hoạch, phân công trách nhiệm thực hiện cụ thể. Tập trung tuyên truyền, phổ biến Đề án, chỉ đạo bộ máy chính quyền xã và vận động các tầng lớp Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp thực hiện tốt các nội dung Đề án.

- Chỉ đạo các đoàn thể, các đơn vị, cấp ủy trên địa bàn xã xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ để thực hiện theo chức năng nhiệm vụ, địa bàn phụ trách.

- Ban hành các văn bản chỉ đạo, các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của xã để triển khai kịp thời các chủ trương đã được cấp có thẩm quyền đề ra.

- Tham mưu đề xuất các cơ chế, kế hoạch, dự án cụ thể để UBND thị xã xem xét quyết định tạo điều kiện thực hiện kịp thời các chương trình, dự án hoàn thiện các tiêu chí. Xác định các nhiệm vụ ưu tiên trọng tâm, trọng điểm để triển khai kịp thời.

- UBND xã chủ động phối hợp với các phòng, ngành của Thị xã trong việc xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách phát triển toàn diện các ngành, lĩnh vực trên địa bàn xã và đề xuất UBND Thị xã, UBND tỉnh các dự án đầu tư vào địa bàn. Chủ trì, phối hợp với các phòng ban của Thị xã đề xuất danh mục dự án ưu tiên đầu tư; các cơ chế, chính sách phù hợp để tạo nguồn lực phát triển xã; đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện các chương trình, kế hoạch, dự án của Nhà nước, cũng như của doanh nghiệp, người dân. Tăng cường công tác quản lý quy hoạch, quản lý xây dựng.

- Thực hiện quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng đô thị; giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Tổ chức thực hiện, giám sát, kiểm tra các dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp, chỉnh trang theo phân cấp đảm bảo đúng quy hoạch, kế hoạch tiến độ đã phê duyệt; đồng thời chỉ đạo các phòng ban, các phường, xã nghiêm túc thực hiện công tác này.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ trọng tâm của UBND tỉnh về phát triển thương mại dịch vụ, du lịch, cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, chương trình việc làm, dạy nghề, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông, công tác cải cách hành chính.

- Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh toàn diện. Phát huy tối đa sự vào cuộc của các ban ngành, đoàn thể và các tầng lớp Nhân dân trong xây dựng và phát triển xã.

- Thường xuyên soát xét, đánh giá mức độ hoàn thành, hiệu quả các nhiệm vụ, mục tiêu theo kế hoạch. Định kỳ hàng quý, 6 tháng, cả năm, có báo cáo đánh giá tình hình thực hiện các nội dung của Đề án gửi Thị ủy, UBND Thị xã, và đề ra nhiệm vụ triển khai năm tiếp theo, báo cáo Thị xã để chỉ đạo thực hiện kịp thời.

### 2. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể xã

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động mỗi cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân hiểu rõ trách nhiệm xây dựng thị xã phát triển là nhiệm vụ chính của toàn dân. Phát động phong trào toàn xã chung tay xây dựng xã đạt các tiêu chí Phường. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong công tác tuyên truyền, vận động thực hiện xã hội hóa huy động nguồn lực.

- Xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể về thời gian triển khai, dự kiến thời gian hoàn thành, nguồn lực và phân công trách nhiệm thực hiện đối với từng tiêu chí xây dựng phường đến từng các tổ chức, đơn vị, cá nhân, các tổ dân phố.

- Thực hiện tốt công tác tư vấn, giám sát, phản biện, tham gia tích cực cùng cấp ủy, chính quyền xã trong triển khai các chương trình, dự án cụ thể nhằm đảm bảo tính hiệu quả và sự đồng thuận cao trong xã hội.

### 3. Đối với các doanh nghiệp, đơn vị và người dân trên địa bàn

- Đẩy mạnh phát triển sản xuất kinh doanh, tăng cường đầu tư cải tiến kỹ thuật, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Căn cứ kế hoạch xây dựng của xã, tham gia đóng góp các sáng kiến, nguồn lực cùng với xã thực hiện hiệu quả mục tiêu đề ra. Xây dựng, chỉnh trang công sở, cơ quan, đơn vị văn minh, sạch đẹp.

- Tham gia hỗ trợ người dân cũng như chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập và xây dựng kết cấu hạ tầng của địa phương, đơn vị.

- Tham gia tích cực, hiệu quả vào việc xây dựng, phát triển của xã. Nhận thức được xây dựng xã Thuận Lộc thành phường nội thị là trách nhiệm của mỗi người dân từ việc xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đến xây dựng nếp sống văn minh. Tích cực tham gia phát triển sản xuất kinh doanh, đóng góp xây dựng đô thị văn minh, nông thôn mới. Tạo được phong trào sâu rộng trong từng tổ chức, đơn vị, địa phương, từng gia đình về chung tay xây dựng thị xã văn minh, hiện đại.

## II. Kiến nghị

### 1. Đối với Thị ủy

Đề nghị Ban Thường vụ Thị ủy thành lập Ban chỉ đạo xây dựng xã Thuận Lộc thành phường.

### 2. Đối với HĐND Thị xã

Đề nghị HĐND Thị xã ban hành Nghị quyết về các cơ chế, chính sách đặc thù để xây dựng xã Thuận Lộc đạt các tiêu chí thành lập phường.

### 3. Đối với UBND Thị xã và các phòng chuyên môn

Đề nghị UBND Thị xã xem xét, phê duyệt Đề án xây dựng xã Thuận Lộc đạt các tiêu chí thành lập phường đến năm 2025.

Chỉ đạo các phòng, ban cấp Thị xã theo chức năng nhiệm vụ, phối hợp UBND xã triển khai cụ thể hóa thực hiện Đề án xây dựng xã Thuận Lộc đạt các tiêu chí thành lập phường đến năm 2025, cụ thể như sau:

*a. Phòng kinh tế*

Chủ trì, hướng dẫn UBND xã, các nhà đầu tư hoàn thiện các thủ tục đầu tư thực hiện dự án trên địa bàn. Phối hợp với UBND xã đẩy mạnh xúc tiến, thu hút đầu tư trên địa bàn xã.

Chủ trì, phối hợp với phòng Tài chính và các ban, sở, ngành liên quan kêu gọi các nguồn vốn ODA để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn xã.

Soát xét nguồn lực đầu tư, tham mưu UBND Thị xã cân đối nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ xây dựng, phát triển xã Thuận Lộc. Rà soát, đề xuất các dự án đầu tư phát triển đô thị đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025.

Chủ trì, phối hợp Phòng Quản lý đô thị, UBND Thị xã chỉ đạo, yêu cầu nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án trên địa bàn xã.

*b. Phòng Tài chính*

Tham mưu, đề xuất với UBND Thị xã, HĐND Thị xã các cơ chế, chính sách tạo điều kiện tập trung, ưu tiên nguồn lực cho nhiệm vụ phát triển trên địa bàn xã.

Tham mưu UBND Thị xã hỗ trợ xã kinh phí kiến thiết thị chính và sự nghiệp văn hóa thông tin truyền thông ngoài định mức hiện hành.

 Hướng dẫn, tạo điều kiện cho xã được tiếp cận nguồn vay vốn nhàn rỗi Kho bạc Nhà nước, các nguồn vốn tín dụng ưu đãi.

Chỉ đạo, hướng dẫn UBND xã trong quá trình thực hiện cơ chế chính sách tạo nguồn lực thực hiện đề án. Tăng cường công tác quản lý, hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng các nguồn vốn huy động để thực hiện đề án.

*c. Phòng Quản lý đô thị*

Phối hợp Phòng kinh tế, các phòng ban, liên quan và UBND xã chỉ đạo, yêu cầu các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư trên địa bàn.

Phối hợp, hỗ trợ UBND xã triển khai thực hiện các công trình và duy tu, bão dưỡng đường giao thông trên địa bàn.

Kiểm tra, giám sát về tiến độ, chất lượng của các công trình đang xây dựng trên địa bàn xã.

Phối hợp với các phòng, ban của UBND thị xã Hồng Lĩnh xây dựng cơ chế, chính sách, giải pháp khuyến khích, kêu gọi nguồn xã hội hóa đầu tư các công trình thương mại (chợ, siêu thị...) trên địa bàn xã.

*d. Phòng Tài nguyên và Môi trường*

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn UBND xã lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong lĩnh vực bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi để tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất.

Phối hợp UBND xã tranh thủ các nguồn vốn, dự án của ODA, của Chính phủ và các bộ, ngành về vệ sinh môi trường, thoát nước, cây xanh đô thị, dự án chống biến đổi khí hậu.

Điều hành, chỉ đạo, giám sát việc đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn xã Thuận Lộc.

## III. Kết luận

Xã Thuận Lộc hiện nay với nhiều tiềm năng về phát triển kinh tế - xã hội của vùng Tây Nam Thị xã Hồng Lĩnh. Trong những năm qua cấp ủy, chính quyền và nhân dân Thuận Lộc đã khắc phục được khó khăn, nỗ lực phấn đấu để xây dựng Thuận Lộc đạt các tiêu chí để trở thành phường nội thị. Song do có nhiều nguyên nhân chủ quan nội tại và nguyên nhân khách quan bên ngoài mà đến nay một số chỉ tiêu để thành lập phường vẫn chưa đạt.

Xây dựng Thuận Lộc trở thành Phường nội thị, là động lực cho sự phát triển kinh tế xã hội phía Tây Nam của Thị xã, đảm bảo sự liên kết vùng phát triển, bền vững với các địa phương lân cận thì những nội dung, giải pháp, định hướng nêu trên trong Đề án cần được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đồng bộ, kịp thời, có hiệu quả. Vậy nên cần sự phối hợp, tham mưu, chỉ đạo giữa xã với các phòng ban của thị xã và nội tại trong xã, cùng với đó là sự đồng thuận nhất trí trong nhân dân và doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh trên địa bàn xã.